

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0787/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 587/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị K (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: 44/17 Nguyễn A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn B (Vắng mặt)

Địa chỉ: 44/17 Nguyễn A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và các và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:

Năm 2000, bà và ông Nguyễn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 19/6/2000. Sau khi kết hôn bà và ông B chung sống tại địa chỉ: 44/17 Nguyễn A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai chung sống hạnh phúc được 10 năm. Từ năm 2010, phát sinh mâu thuẫn do tính tình thay

đôi, quan điểm sống khác nhau. Bản thân bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không kết quả. Từ năm 2015 bà và ông B sống ly thân, đến năm 2019 bà dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn B.

Trong quá trình chung sống, bà K và ông B có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh năm 2002, Nguyễn U, sinh năm 2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà K khai bà và ông B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà K khai bà và ông B không có nợ chung.

* *Bị đơn ông Nguyễn B* đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của ông B.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị K và ông Nguyễn B là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường B, quận C: Bị đơn ông Nguyễn B có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 44/17 Nguyễn A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn ông Nguyễn B tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 15/12/2022 và lần thứ hai vào ngày 05/01/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn B.

Nguyên đơn bà Trần Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2000 thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị K và ông Nguyễn B là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của bà K, sau khi kết hôn bà và ông B chung sống hạnh phúc được 10 năm. Từ năm 2010, phát sinh mâu thuẫn do tính tình thay đổi, quan điểm sống khác nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không kết quả. Từ năm 2015 bà và ông B sống ly thân, đến năm 2019 bà dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, bà K xác định không còn tình cảm với ông B.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị K không còn cư trú tại địa chỉ: 44/17 Nguyễn A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cho thấy hôn nhân giữa bà K và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy bà K có nguyện vọng xin được ly hôn với ông B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà K và ông B có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh năm 2002, Nguyễn U, sinh năm 2003, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà K khai bà và ông B không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà K khai bà và ông B không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị K phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị K và ông Nguyễn B.

1.2 Về việc con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị K và ông Nguyễn B có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh năm 2002, Nguyễn U, sinh năm 2003, đã trưởng thành.

1.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị K khai bà và ông Nguyễn B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Trần Thị K khai bà và ông Nguyễn B không có nợ chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà K đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai

thu số AA/2022/0049540 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị K và ông Nguyễn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, quận C;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long